

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 8 năm 2023
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thanh – Ông Phan Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:252/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:168/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số:77/2023/QĐ-HPT ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị D, sinh ngày 20/01/1985.

Trú tại: xóm P, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Trần Trọng T, sinh ngày 24/4/1982.

Trú tại: xóm P, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D, anh Trần Trọng D1 cưới nhau vào tháng 7/2006, trước khi cưới chị D1, anh T có quá trình tìm hiểu,tự nguyện tiến tới hôn nhân và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 80/2006, ngày 07/7/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống đến ngày 24/10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, trong cuộc sống chung có nhiều xung đột vợ chồng thường xung đột, cự cãi gay gắt. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc hơn, vợ chồng mất tình cảm, tình yêu đối với nhau. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tự hòa giải, gia đình hai bên đã góp ý động viên, nhưng vẫn không thể duy trì hôn nhân, nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Chị D1 xác định đã mất hết tình cảm đối với anh D1, hôn nhân đã thực sự tan rã, đổ vỡ không

thẻ hàn gắn, chị D1 đề nghị giải quyết ly hôn anh T để ổn định cuộc sống. Anh T xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã sống li thân với thời gian khá lâu, nhưng anh đang rất yêu chị D1, mong muốn được đoàn tụ, nên chị D1 yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Trọng A (Giới tính: N), sinh ngày 11/9/2007 và cháu Trần Trọng T1 (Giới tính: Nam) sinh ngày 04/8/2015. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do chị D1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không có trách nhiệm gì con. Nếu ly hôn, chị D1 và anh T đều đề nghị giao hai con chung cho mình được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Quá trình khởi kiện, hòa giải chị Phan Thị D yêu cầu phân chia tài sản chung, anh Trần T2 không khởi kiện yêu cầu phản tố. Trước lúc ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử nguyên đơn làm đơn rút một phần khởi kiện đó là yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu rút một phần khởi kiện, bị đơn anh Trần Trọng T không có ý kiến gì về việc rút một phần khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn có nơi cư trú tại xóm P, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn, bị đơn đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Phan Thị D, anh Trần Trọng T được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị D, anh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 080/2006, ngày 07/7/2006 nên xác định hôn nhân giữa chị D, anh T là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị D, anh T tan rã, đổ vỡ là do tính tình không hợp nhau. Quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói, lối đi chung hôn nhân, khắc khẩu khi giao tiếp, các bên xử sự không chuẩn mực đối với nhau. Chị D xác định hôn nhân đã đổ vỡ nên chị đã chủ động sống ly thân cắt đứt các mối quan hệ đối với anh T kể từ cuối năm 2018. Quá trình sống ly

thân anh T đã liên lạc hòa giải với chị D để níu kéo hôn nhân nhưng không được chị D chấp nhận. Điều này cho thấy tình cảm chỉ còn ở phía anh T, xác định hôn nhân giữa chị D, anh T đã thực sự đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa các bên không còn. Nay chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Quá trình sống ly thân chị D đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu thứ hai, anh T đang nuôi dưỡng cháu đầu. Quá trình hòa giải các bên đều tranh chấp quyền được nuôi hai con chung. Nhưng tại phiên tòa các bên đều có ý kiến, nếu Tòa giải quyết ly hôn chị D, anh T đề nghị giao con theo hiện trạng. Việc đề nghị giao con theo hiện trạng của chị D, anh T là đảm bảo quyền và nguyện vọng của con chung, vì vậy cần giao cho chị D nuôi trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu thứ hai, giao cháu lớn cho anh Trung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do mỗi bên nuôi mỗi cháu nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về quan hệ tài sản: Quá trình khởi kiện, hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị D yêu cầu phân chia tài sản chung, anh T không khởi kiện yêu cầu phản tố. Trước lúc đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị D có đơn rút yêu cầu phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa chị D và anh T. Chị D, anh T có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân khi thấy cần thiết.

- Về án phí: Buộc chị Phan Thị D phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Phan Thị D được ly hôn anh Trần Trọng T.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung cháu Trần Trọng T1 (Giới tính:N), sinh ngày 04/8/2015 cho chị Phan Thị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Giao con chung cháu Trần Trọng A (Giới tính: N), sinh ngày 11/9/2007 cho anh Trần Trọng Trung trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Chị Phan Thị D, anh Trần Trọng T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản: Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Đình chỉ phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị Phan Thị D đối với anh Trần Trọng T.

4. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Phan Thị D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí ly hôn sơ thẩm chị D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 8.736.000 đ (Tám triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: 0000877 ngày 02/6/2023, chị D đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại tiền tạm ứng yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho chị Phan Thị D số tiền 8.436.000đ (Tám triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã V(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc